ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 149/2026/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 73/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành quy định về hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2026 và thay thế Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc ban hành quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án, nhiệm vụ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021–2025, bao gồm thời gian được kéo dài theo các nghị quyết của Quốc hội, tiếp tục áp dụng các quy định chuyển tiếp theo khoản 2 Điều 57 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP đến hết thời gian thực hiện; đối với các nhiệm vụ thuộc giai đoạn mới hoặc nội dung không thuộc phạm vi chuyển tiếp nêu trên, thực hiện theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định này và pháp luật hiện hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KT văn bản và Tổ chức thi hành PL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh, các Tổ chức chính trị - xã hội;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh
- Như Điều 5;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Phòng: KTTC, TH, NC, VHXH;
- Lưu: VT, Luan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Huỳnh Văn Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Hình thức, định mức hỗ trợ, quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 149 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ; việc quản lý, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp tự thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản, có sự tham gia của người dân theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Quy định này áp dụng đối với dự án đầu tư xây dựng có tính chất kỹ thuật đơn giản, tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp có đủ năng lực quản lý, tổ chức thi công và được Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư, thông qua Ban phát triển ấp, khu phố, tổ dân phố hoặc tổ chức tương đương, tự thực hiện dự án theo quy định của Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và Quy định này.

3. Các nội dung về tiêu chí thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, áp dụng thiết kế sẵn có; danh mục loại dự án, tổng mức đầu tư tối đa của dự án thuộc danh mục loại dự án đặc thù; quy trình bảo trì mẫu và các nội dung chuyên môn về xây dựng, đấu thầu thực hiện theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, pháp luật về xây dựng, đấu thầu và văn bản quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII; các sở, ban, ngành tỉnh được giao quản lý, theo dõi chương trình mục tiêu quốc gia; Ủy ban nhân dân cấp xã; phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã.

2. Ban phát triển ấp, khu phố, tổ dân phố hoặc tổ chức tương đương; cộng đồng dân cư hưởng lợi trực tiếp; tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, hợp tác xã, người đại diện cộng đồng dân cư; Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn

đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện là phần vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn ngân sách nhà nước hợp pháp khác được cấp có thẩm quyền bố trí, phân bổ, giao trong kế hoạch vốn thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ cộng đồng dân cư tự thực hiện dự án theo hình thức, định mức hỗ trợ quy định tại Quy định này.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, thanh toán, quyết toán

1. Việc hỗ trợ, quản lý, tạm ứng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện phải đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng nội dung, hình thức, định mức hỗ trợ, cơ cấu nguồn vốn, kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, phòng ngừa thất thoát, lãng phí và không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Không thanh toán vượt tổng mức đầu tư, vượt mức hỗ trợ, vượt kế hoạch vốn hoặc vượt giá trị được quyết toán.

3. Không yêu cầu cộng đồng dân cư, Ban phát triển ấp, khu phố, tổ dân phố hoặc người dân cung cấp thêm thành phần hồ sơ gửi cơ quan thanh toán ngoài hồ sơ theo quy định của Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Các tài liệu phục vụ quản lý nội bộ, công khai, giám sát cộng đồng phải được chủ đầu tư lưu giữ đầy đủ để phục vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và quyết toán.

4. Đóng góp của người dân bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động phải được cộng đồng dân cư thống nhất, công khai; sau khi quy đổi thành tiền phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất và không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

Điều 5. Điều kiện áp dụng và xác định tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn

1. Dự án được áp dụng cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện phải đồng thời đáp ứng các điều kiện về mục tiêu, đối tượng, phạm vi chương trình mục tiêu quốc gia; tính chất kỹ thuật đơn giản; tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng; năng lực tự thực hiện của cộng đồng dân cư và các điều kiện khác theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, pháp luật về xây dựng, đấu thầu và quy định của cấp có thẩm quyền.

2. Tổng mức đầu tư của dự án là toàn bộ chi phí thực hiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ, phần đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư bằng tiền, hiện vật, vật liệu, ngày công lao động được quy đổi thành tiền và các nguồn vốn hợp pháp

khác.

3. Cơ cấu nguồn vốn và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được xác định trong hồ sơ dự án, quyết định phê duyệt dự án và kế hoạch vốn được giao. Trường hợp dự án có nhiều nguồn vốn ngân sách nhà nước cùng tham gia thì tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là tổng hợp các nguồn vốn ngân sách nhà nước được bố trí cho dự án.

4. Việc xác định phần vốn được thanh toán từ ngân sách nhà nước phải căn cứ tỷ lệ hỗ trợ tối đa quy định tại Điều 7 Quy định này, giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu, phạm vi nội dung được ngân sách nhà nước hỗ trợ và kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao; không thanh toán phần chi phí vượt tổng mức đầu tư, vượt tỷ lệ hỗ trợ, vượt kế hoạch vốn hoặc không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG II
HÌNH THỨC, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ

Điều 6. Hình thức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

1. Hỗ trợ bằng tiền: vốn ngân sách nhà nước thanh toán qua cơ quan thanh toán cho chủ đầu tư để chi trả cho Ban phát triển ấp, khu phố, tổ dân phố hoặc tổ chức tương đương, đại diện cộng đồng dân cư, người dân trực tiếp tham gia thi công, tổ chức, cá nhân cung cấp vật tư, vật liệu, dịch vụ và các đối tượng thụ hưởng khác theo hợp đồng, văn bản giao nhiệm vụ, hồ sơ thanh toán hợp lệ.

2. Hỗ trợ bằng hiện vật: ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, cấp phát vật tư, vật liệu, cấu kiện, sản phẩm, thiết bị hoặc hiện vật cần thiết khác để cộng đồng dân cư tổ chức thi công theo hồ sơ dự án được phê duyệt; giá trị hiện vật được quy đổi thành tiền để theo dõi, thanh toán, quyết toán và tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình.

3. Hỗ trợ kết hợp bằng tiền và hiện vật: căn cứ điều kiện thực hiện dự án, khả năng cung ứng vật tư, vật liệu tại địa phương, năng lực quản lý của cộng đồng dân cư và yêu cầu kiểm soát chi ngân sách nhà nước, chủ đầu tư đề xuất hình thức hỗ trợ kết hợp trong hồ sơ dự án, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Hình thức hỗ trợ cụ thể của từng dự án phải được xác định trong quyết định phê duyệt đầu tư dự án, phù hợp với nội dung hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, cơ cấu nguồn vốn, kế hoạch vốn được giao và khả năng tổ chức thực hiện của cộng đồng dân cư.

Điều 7. Định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

Mức vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho từng dự án là mức hỗ trợ cụ thể, được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư được duyệt, giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán, phạm vi nội dung được ngân sách nhà nước hỗ trợ và kế hoạch vốn được cấp có thẩm quyền giao,

cụ thể:

1. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: ngân sách nhà nước hỗ trợ 90% tổng mức đầu tư được duyệt hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán.

2. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn: ngân sách nhà nước hỗ trợ 80% tổng mức đầu tư được duyệt hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán.

3. Đối với dự án thực hiện trên địa bàn các đơn vị hành chính cấp xã còn lại: ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư được duyệt hoặc giá trị khối lượng hoàn thành được nghiệm thu đủ điều kiện thanh toán.

4. Trường hợp một dự án thuộc nhiều mức hỗ trợ khác nhau thì áp dụng mức hỗ trợ cao nhất phù hợp với địa bàn, đối tượng, nội dung hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia và khả năng cân đối nguồn vốn được cấp có thẩm quyền giao.

CHƯƠNG III
QUẢN LÝ, TẠM ỨNG, THANH TOÁN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

Điều 8. Giao nhiệm vụ, ký hợp đồng và mở tài khoản thanh toán

1. Căn cứ quyết định phê duyệt đầu tư dự án và kế hoạch vốn được giao, Ủy ban nhân dân cấp xã giao Ban phát triển ấp, khu phố, tổ dân phố hoặc tổ chức tương đương làm đầu mối triển khai thực hiện dự án theo khoản 5 Điều 20 và điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

2. Ban phát triển ấp, khu phố, tổ dân phố hoặc tổ chức tương đương ký hợp đồng xây dựng hoặc thỏa thuận, bảng giao việc với người dân trực tiếp tham gia thi công xây dựng công trình; nội dung xác định phạm vi công việc, khối lượng, đơn giá hoặc giá trị thanh toán, tiến độ thực hiện, trách nhiệm về chất lượng, an toàn lao động, nghiệm thu, thanh toán và quyết toán.

3. Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã mở tài khoản tại cơ quan thanh toán theo quy định để tiếp nhận, quản lý, tạm ứng, thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án. Việc thanh toán cho cộng đồng dân cư, đại diện cộng đồng, người dân trực tiếp tham gia thi công và tổ chức, cá nhân thụ hưởng thực hiện theo hồ sơ thanh toán hợp lệ, ưu tiên thanh toán bằng chuyển khoản; trường hợp pháp luật cho phép thanh toán bằng tiền mặt thì phải có bảng kê, chữ ký nhận tiền và chứng từ đầy đủ.

4. Đối với hỗ trợ bằng hiện vật, chủ đầu tư phối hợp với cơ quan, đơn vị được giao mua sắm, cấp phát hiện vật thực hiện bàn giao cho cộng đồng dân cư; lập biên bản giao nhận, quy đổi giá trị hiện vật vào chi phí đầu tư xây dựng công

trình và theo dõi riêng trong hồ sơ dự án.

Điều 9. Tạm ứng vốn

1. Việc tạm ứng vốn thực hiện theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ và quy định của pháp luật có liên quan; mức tạm ứng phải phù hợp nhu cầu thực hiện, tiến độ thi công, hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, khả năng quản lý của cộng đồng dân cư, bảo đảm sử dụng đúng mục đích và thu hồi tạm ứng đúng quy định.

2. Hồ sơ đề nghị tạm ứng gửi cơ quan thanh toán thực hiện theo quy định của Nghị định số 254/2025/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp được miễn bảo lãnh tạm ứng theo quy định thì hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ phải thể hiện căn cứ miễn bảo lãnh; trường hợp pháp luật yêu cầu bảo lãnh tạm ứng thì chủ đầu tư đề nghị tạm ứng sau khi có bảo lãnh tạm ứng hợp lệ.

3. Chủ đầu tư, Ban phát triển ấp, khu phố, tổ dân phố hoặc tổ chức tương đương, người đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn tạm ứng đúng nội dung, mục đích, đối tượng; thu hồi tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành theo tỷ lệ, thời điểm và điều kiện quy định tại hợp đồng, văn bản giao nhiệm vụ và Nghị định số 254/2025/NĐ-CP.

4. Không thực hiện tạm ứng đối với phần khối lượng, nội dung không có trong quyết định phê duyệt đầu tư, không có trong kế hoạch vốn được giao hoặc không thuộc phạm vi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

Điều 10. Thanh toán khối lượng hoàn thành

1. Thanh toán vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ giao cho cộng đồng tự thực hiện căn cứ quyết định phê duyệt đầu tư dự án, kế hoạch vốn được giao, hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ, kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và hồ sơ thanh toán theo quy định.

2. Kết quả nghiệm thu khối lượng hoàn thành do phòng chuyên môn được giao thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã tổ chức xác nhận theo Điều 21 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP; thành phần nghiệm thu có sự tham gia của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng và đại diện cộng đồng dân cư theo quy định.

3. Đối với hỗ trợ bằng tiền, giá trị thanh toán căn cứ khối lượng được nghiệm thu, đơn giá, định mức hỗ trợ, bảng xác định giá trị công việc hoàn thành, bảng kê chi tiết ngày công, vật liệu tại chỗ, chi phí thực tế hợp lệ, hợp đồng hoặc văn bản giao nhiệm vụ và dự toán được duyệt; giá trị thanh toán từ ngân sách nhà nước không vượt tỷ lệ hỗ trợ, kế hoạch vốn được giao và giá trị đủ điều kiện thanh toán.

4. Đối với hỗ trợ bằng hiện vật, giá trị thanh toán, quyết toán căn cứ biên bản giao nhận, phiếu xuất kho, hóa đơn, chứng từ mua sắm hoặc văn bản xác định giá trị hiện vật của cấp có thẩm quyền, hồ sơ nghiệm thu đưa hiện vật vào công

trình và dự toán được duyệt; giá trị hiện vật được tổng hợp vào chi phí đầu tư xây dựng công trình nhưng không làm tăng mức hỗ trợ vượt tỷ lệ, cơ cấu nguồn vốn đã được phê duyệt.

5. Chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác của dự án được thanh toán trong phạm vi dự toán được duyệt, kế hoạch vốn được giao và quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đầu tư công, ngân sách nhà nước. Không thanh toán các khoản chi không có trong dự toán được duyệt, không có hồ sơ chứng minh hoặc không thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước.

6. Cơ quan thanh toán kiểm soát, thanh toán kịp thời, đầy đủ theo quy định trên cơ sở hồ sơ do chủ đầu tư gửi; trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện thanh toán, cơ quan thanh toán thông báo cụ thể nội dung phải hoàn chỉnh, bổ sung theo quy định.

Điều 11. Quản lý, công khai và theo dõi đóng góp của cộng đồng

1. Các khoản đóng góp tự nguyện của người dân bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động phải được cộng đồng dân cư thống nhất, lập danh sách, quy đổi thành tiền, công khai tại nơi sinh hoạt cộng đồng và tổng hợp, theo dõi trong giá trị công trình; không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước.

2. Chủ đầu tư, Ban phát triển ấp, khu phố, tổ dân phố hoặc tổ chức tương đương và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm theo dõi riêng giá trị đóng góp của cộng đồng dân cư; bảo đảm các khoản đóng góp được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, có chứng từ hoặc xác nhận của cộng đồng dân cư.

3. Nội dung công khai gồm tên dự án, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tổng mức đầu tư, hình thức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, cơ cấu nguồn vốn, mức vốn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện, mức đóng góp của cộng đồng dân cư, tiến độ, kết quả nghiệm thu, thanh toán, quyết toán và bàn giao công trình.

CHƯƠNG IV
QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ

Điều 12. Quyết toán theo niên độ ngân sách

1. Chủ đầu tư, cơ quan thanh toán, cơ quan tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách đối với vốn giao cho cộng đồng tự thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, Thông tư số 91/2025/TT-BTC và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm đối chiếu số liệu kế hoạch vốn, giải ngân, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành với cơ quan thanh toán; lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan cấp trên, cơ quan tài chính

cùng cấp hoặc cơ quan được giao thẩm định theo thời hạn, biểu mẫu quy định.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã và các đơn vị liên quan tổng hợp, lập báo cáo quyết toán niên độ phần vốn thuộc phạm vi quản lý; xử lý kịp thời số liệu chênh lệch, khoản tạm ứng quá hạn, khối lượng hoàn thành chưa thanh toán và các tồn tại khác trước khi gửi báo cáo quyết toán.

Điều 13. Quyết toán vốn đầu tư dự án

1. Dự án sau khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng hoặc dừng thực hiện theo văn bản cho phép dừng thực hiện của người có thẩm quyền quyết định đầu tư phải lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án, thẩm tra và phê duyệt quyết toán theo quy định của Nghị định số 193/2026/NĐ-CP, Thông tư số 73/2026/TT-BTC; đối với nội dung đặc thù của chương trình mục tiêu quốc gia thì thực hiện theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

2. Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án phải phản ánh đầy đủ: giá trị vốn ngân sách nhà nước đã tạm ứng, thanh toán, thu hồi tạm ứng; giá trị hiện vật được hỗ trợ; giá trị đóng góp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư và nguồn vốn hợp pháp khác; công nợ phải thu, phải trả; giá trị tài sản hình thành sau đầu tư; tình hình bàn giao, quản lý, sử dụng công trình và hồ sơ bảo trì công trình; đồng thời lập, sử dụng mẫu biểu theo Thông tư số 73/2026/TT-BTC.

3. Thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án thực hiện theo Nghị định số 193/2026/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư phát sinh khó khăn, vướng mắc về trình tự, hồ sơ, biểu mẫu, thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán thì kịp thời có văn bản đề nghị cơ quan chuyên môn theo lĩnh vực quản lý hướng dẫn, hỗ trợ theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Sau khi quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt, chủ đầu tư có trách nhiệm xử lý công nợ, tất toán tài khoản dự án, bàn giao hồ sơ hoàn thành, hồ sơ quản lý tài sản, hồ sơ bảo trì công trình và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

CHƯƠNG V
TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII và Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc cân đối, phân bổ, giao, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư

công và Nghị định số 358/2025/NĐ-CP.

3. Phối hợp kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với trường hợp sử dụng vốn không đúng mục tiêu, sai đối tượng, sai hình thức hỗ trợ, sai định mức hỗ trợ, chậm quyết toán, làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản, thất thoát, lãng phí.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn về xây dựng, quản lý chất lượng, nghiệm thu, bàn giao, vận hành, bảo trì công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và các văn bản quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh được giao quản lý chương trình, dự án thành phần thuộc chương trình mục tiêu quốc gia có trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn, tổng hợp nhu cầu, theo dõi tình hình giải ngân, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện; kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp với Sở Tài chính trong công tác quản lý, thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước.

Điều 16. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII

1. Thực hiện kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ, đúng quy định cho dự án khi có đủ điều kiện và hồ sơ thanh toán theo Nghị định số 254/2025/NĐ-CP, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện thủ tục giao dịch, đối chiếu số liệu thanh toán, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành; phối hợp xử lý vướng mắc về hồ sơ thanh toán theo thẩm quyền.

3. Cung cấp số liệu giải ngân, tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành phục vụ công tác quyết toán niên độ, quyết toán dự án và báo cáo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư

1. Tổ chức triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn cấp xã; quyết định lựa chọn cơ chế giao cho cộng đồng dân cư tự thực hiện dự án khi đáp ứng đủ điều kiện tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và Quy định này.

2. Chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý, sử dụng vốn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện; bảo đảm dự án được thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng nội dung, đúng quy mô, đúng hình thức hỗ trợ, đúng định mức hỗ trợ, đúng kế hoạch vốn được giao; không để xảy ra thất thoát, lãng phí, trùng lặp, nợ đọng xây dựng cơ bản.

3. Tổ chức công khai đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 11 Quy định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi sinh hoạt cộng đồng và trên phương

tiện thông tin cấp xã.

4. Chỉ đạo việc lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đơn giản; giao Ban phát triển ấp, khu phố, tổ dân phố hoặc tổ chức tương đương làm đầu mối thực hiện; quản lý chất lượng, nghiệm thu, tạm ứng, thanh toán, quyết toán và bàn giao công trình theo quy định.

5. Lưu giữ đầy đủ hồ sơ dự án, hồ sơ thanh toán, quyết toán, chứng từ chi trả cho người dân, chứng từ mua sắm vật tư, vật liệu, hồ sơ hiện vật, hồ sơ đóng góp của cộng đồng, hồ sơ công khai và hồ sơ giám sát cộng đồng.

6. Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cơ quan quản lý chương trình, dự án thành phần, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện, giải ngân, thanh toán, quyết toán và khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Điều 18. Trách nhiệm của Ban phát triển ấp, khu phố, tổ dân phố, cộng đồng dân cư và Ban giám sát đầu tư của cộng đồng

1. Ban phát triển ấp, khu phố, tổ dân phố hoặc tổ chức tương đương làm đầu mối của cộng đồng dân cư thực hiện các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư và cộng đồng dân cư về việc tổ chức thực hiện công trình, sử dụng vốn, vật tư, ngày công, hiện vật đúng mục đích, công khai, minh bạch.

2. Tổ chức huy động sự tham gia tự nguyện của người dân theo nội dung đã được cộng đồng thống nhất; lập danh sách người dân tham gia, bảng kê ngày công, vật liệu, hiện vật, chi phí thực tế; thực hiện chi trả đúng đối tượng, đúng giá trị được nghiệm thu và lưu chứng từ gửi chủ đầu tư.

3. Phối hợp với chủ đầu tư, phòng chuyên môn, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng cấp xã, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trong quá trình thi công, nghiệm thu, bàn giao, quản lý vận hành, bảo trì công trình; kịp thời báo cáo khi phát sinh thay đổi về khối lượng, giá trị, chất lượng, tiến độ, an toàn lao động, môi trường hoặc các vướng mắc vượt khả năng xử lý.

4. Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát theo quy định của pháp luật về đầu tư công, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP và quy định của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; tham gia nghiệm thu theo thành phần quy định, phát hiện và kiến nghị xử lý các hành vi có dấu hiệu vi phạm, thất thoát, lãng phí.

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quy định này để tổ chức thực hiện; trường hợp có khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại

Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc quy định mới đó./.